

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **01/2020/DS-ST**

Ngày 05 tháng 01 năm 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thắm.

2. Bà Nguyễn Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST- DS, ngày 08/10/2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ngọc T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Đường L, phường S, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn:

- Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Long T, huyện C, tỉnh L.

Tạm trú: Ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh T.

- Chị **Lưu Thị Kim T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt chị H, anh H và chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào tháng 04/2017, chị Phan Thị Ngọc T có cho anh Trần Quốc H và chị Lưu Thị Kim T vay số tiền 50.000.000 đồng, không có biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng. Nhưng anh H, chị không có đóng lãi cho chị T lần nào nên ngày 10/11/2017, anh H có viết biên nhận và cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, nhưng không trả được số tiền nào. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Quốc H phải trả cho chị số tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/12/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

* Bị đơn là anh Trần Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Trúc.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/12/2020, chị Lưu Thị Kim T trình bày: Biên nhận ngày 10/11/2020 là do anh H viết và ký tên ghi họ tên. Chị không biết về số nợ này nhưng chị đồng ý liên đới với anh H trả số nợ này cho chị T. Chị xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết 50.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu anh Trần Quốc H trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi (theo lãi suất 0,83%, từ ngày 10/12/2019 cho đến ngày 05/01/2021 làm tròn là 12 tháng) là 4.980.000 đồng, tổng cộng là 54.980.000 đồng.

Anh H trình bày: Biên nhận nợ ngày 10/11/2017 là do anh viết và ký tên ghi họ tên nhưng anh không nhận của chị Phan Thị Ngọc T số tiền là 50.000.000 đồng, nên anh không đồng ý trả cho chị T 50.000.000 đồng.

Chị T trình bày: Biên nhận nợ ngày 10/11/2017 là do anh viết và ký tên ghi họ tên nhưng chị và anh H không nhận của chị Phan Thị Ngọc T số tiền là 50.000.000 đồng, nên chị không đồng ý liên đới với anh H trả cho chị T 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn là chị Phan Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu anh Trần Quốc H trả số tiền vay và tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu anh H trả số tiền 50.000.000 đồng:* Xét biên nhận nợ ngày 10/11/2017, anh Trần Quốc H thừa nhận là anh viết và ký tên ghi họ tên nhưng anh không nhận của chị Phan Thị Ngọc T số tiền là 50.000.000 đồng. Biên nhận nợ kê trên thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Biên nhận thể hiện mỗi tháng anh H trả cho chị T 2.000.000 đồng, không có ghi lãi suất, anh H không thực hiện như cam kết nên anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì anh H phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh anh không nhận tiền, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho chị T. Nhưng anh H không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của anh. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên nhận nợ ngày 10/11/2017 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh H trả số tiền 50.000.0000 đồng cho chị T.

[3] *Về yêu cầu tính lãi*: Chị T yêu cầu anh H trả số tiền lãi theo lãi suất 0,83% từ ngày 10/12/2019 cho đến ngày 05/01/2021 làm tròn là 12 tháng. Xét thấy, chị T và anh H thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng anh H không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi anh H và chị T phải trả theo yêu cầu của chị T:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}.$

[4] *Về án phí*: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T.

Buộc anh Trần Quốc H trả cho chị Phan Thị Thanh T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 4.980.000 đồng, tổng cộng là 54.980.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Trần Quốc H phải chịu 2.749.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn lại cho chị Phan Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.333.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00002131 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni